

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HS-ST

Ngày: 14 – 7 – 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Vinh Quang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2026/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **La Văn T**, sinh ngày 24/7/1985 tại Bắc Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Thôn C, xã X, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; CCCD số 024085020310, cấp ngày 10/5/2021 tại **Cục C1** về TTXH; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **La Văn T1** và bà **Ngô Thị P**; có vợ là **Nguyễn Thị L** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh P**, (có mặt).

2. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 28/02/1983 tại Bắc Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; CCCD số 024083018749, cấp ngày 06/9/2022 tại **Cục C1** về TTXH; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn S** và bà **Nguyễn Thị Đ** (đã chết); có vợ là **Nguyễn Thị L1** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh P**, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Ông **Nguyễn Ngọc T2** – Luật sư thuộc **Văn phòng L2** – Đoàn luật sư tỉnh T; địa chỉ: **Số nhà A, ngõ C đường Z, tổ D phường P, tỉnh Thái Nguyên**, (có mặt).

Bị hại:

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ D phường P, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).
- Chị Nguyễn Phương T4, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ dân phố A G, phường V, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ dân phố C, phường V, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).
- Anh Trần Duy A, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đinh Vạn S1, sinh năm 1984; cư trú tại: Căn hộ B, tòa M, khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh, (có mặt).
- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/5/2025, chị Nguyễn Lệ H1, sinh năm 1989 trú tại Tổ dân phố M, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) là cán bộ đội Tuyên truyền điều tra giải quyết tai nạn và xử lý vi phạm hành chính Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) và chị Nguyễn Phương T4 là cán bộ Đội Cảnh sát giao thông đường bộ số 1 (Đội 1) Phòng Hướng dẫn tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt thuộc Cục C2 (CSGT) Bộ C3 gửi đơn tố giác về tội phạm đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) tố giác La Văn T và Nguyễn Văn H có hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác. Hồi 15 giờ 00 phút ngày 02/5/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) phối hợp với Công an xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) phát hiện quả tang Nguyễn Văn H cùng với La Văn T đang thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản và thu giữ các vật chứng liên quan. Kết quả điều tra xác định như sau:

La Văn T học hết lớp 09/12 thì nghỉ học, làm nghề mộc tại thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 2010, T chuyển sang làm nghề lái xe taxi. Nhiều năm trở lại đây T lập trang Blog cá nhân trên mạng xã hội Facebook có tên “Tuấn La FB” (thời điểm hiện tại có hơn 90.000 lượt theo dõi), nhóm (G) facebook có tên “LỤC VÂN TIÊN” và 01 tài khoản trên nền tảng chia sẻ video trực tuyến YouTube có “TUẤN LA GIAO THÔNG” đăng tải các hình ảnh, video làm việc với lực lượng CSGT (do T bí mật quay hoặc do những người khác gửi cho T), đơn khiếu nại và kết quả giải quyết của lực lượng CSGT nhằm mục đích thu hút lượt xem, tạo dư luận xấu để gây áp lực với lực lượng CSGT khi thực hiện nhiệm vụ và đánh bóng

tên tuổi của bản thân. Cũng trong thời gian này, **T** thường xuyên gửi đơn khiếu nại về những thiếu sót, vi phạm của lực lượng CSGT trong quá trình công tác và xử lý vi phạm giao thông trên cả nước mục đích để yêu cầu lực lượng CSGT bồi thường và hủy các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài việc khiếu nại các cán bộ CSGT đã trực tiếp dừng xe, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với **T** thì **T** còn nhận ký hợp đồng ủy quyền để khiếu nại thay cho những người khác để yêu cầu trả một khoản tiền. Khi gửi đơn khiếu nại thì **T** sẽ chủ động cắt ghép các hình ảnh, tài liệu liên quan đến các cán bộ CSGT có dấu hiệu vi phạm để gửi kèm theo đơn khiếu nại. Khi các cán bộ CSGT trong tổ công tác bị khiếu nại liên hệ để giải quyết, đề nghị rút đơn khiếu nại thì **T** sẽ yêu cầu phải trả một khoản tiền cho **T**. Sau khi nhận được tiền theo yêu cầu thì **T** sẽ gửi văn bản để rút lại đơn khiếu nại mà **T** đã gửi trước đó. Trường hợp lực lượng CSGT không liên hệ đề nghị rút đơn hoặc việc khiếu nại không được chấp nhận thì **T** liên tục gửi đơn khiếu nại đến nhiều cơ quan chuyên môn cấp trên, cơ quan báo chí, Tòa án để gây áp lực cho lực lượng CSGT. Thời gian gần đây thấy lực lượng CSGT đẩy mạnh việc xử lý các lỗi vi phạm luật giao thông qua các thiết bị ghi hình, đo tốc độ (phạt nguội) nên **T** bàn bạc và trao đổi với **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983 trú tại **thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh)** xử lý các lỗi phạt nguội cho người vi phạm có nhu cầu nhằm mục đích tìm các sơ hở, sai phạm của lực lượng CSGT trong quá trình xử lý phạt nguội để khiếu nại yêu cầu trả cho **T** và **H** một khoản tiền thì mới rút đơn khiếu nại. Kết quả điều tra đến nay xác định với phương thức thủ đoạn nêu trên **La Văn T** và **Nguyễn Văn H** đã nhiều lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

1. Hành vi cưỡng đoạt số tiền 80.000.000đ của anh **Nguyễn Văn T3**

Khoảng giữa năm 2018, gia đình chị **Lê Thị Thu H2**, sinh năm 1979, trú tại **phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, đăng ký BKS: 99A - 248.42. Khoảng tháng 12/2023, chị **H2** cho cháu rể là anh **Đỗ Xuân S2**, sinh năm 1979 trú tại **phường A, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh** mượn chiếc xe ô tô BKS: 99A - 248.42 sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 30/01/2024, anh **S2** điều khiển xe ô tô này gây tai nạn giao thông, hậu quả làm anh **S2** bị tử vong còn xe ô tô bị hư hỏng nặng. Ngày 24/9/2024, gia đình chị **H2** bán chiếc xe trên do anh **Nguyễn Thế H3**, sinh năm 1983 trú tại **phường H, tỉnh Bắc Ninh**. Sau đó, anh **H3** bán lại chiếc xe ô tô này cho anh **Dương Văn N**, sinh năm 1983 trú tại **xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang** với giá 55.000.000 đồng. Sau đó, anh **N** thông qua anh **Vương Danh M**, sinh năm 1985 trú tại **xã P, huyện C, thành phố Hà Nội** đã bán chiếc xe này cho anh **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1982 trú tại **phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc**. Khoảng tháng 3/2025, anh **V** tiến hành tra cứu lỗi phạt nguội trên mạng thì phát hiện chiếc xe trên đang bị mắc 03 lỗi phạt nguội chưa được xử lý nên đã yêu cầu anh **M** phải có trách nhiệm xử lý xong các lỗi phạt nguội của xe, anh **M** đồng ý. Sau đó, anh **M** liên hệ với **Nguyễn Văn H** nhờ xử lý 03 lỗi phạt nguội cho xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning BKS: 99A - 248.42. Do trước đó, **H** đã thỏa thuận với **La Văn T** về việc cùng nhau tìm các sai phạm lực lượng

CSGT rồi gửi đơn khiếu nại nên H đồng ý và thống nhất với M chi phí để xử lý các lỗi phạt nguội là 12.000.000 đồng. Vì H không phải là chủ xe, để có quyền được đi xử lý các lỗi phạt nguội của xe thì H yêu cầu anh M chuẩn bị giấy ủy quyền của chủ xe là chị Lê Thị Thu H2 cho H để thực hiện việc xử lý phạt nguội. M đồng ý. Sau đó, anh M liên hệ và cung cấp ảnh chụp căn cước công dân của H cho anh V để làm giấy ủy quyền. Nhận được thông tin thì anh V tự soạn thảo giấy ủy quyền và tự ký tên của H, chị H2 rồi đến gặp ông Nguyễn Kim B (Trưởng Văn phòng C4) để đóng dấu công chứng. Làm thủ tục công chứng xong thì anh V đã gửi giấy ủy quyền và giấy tờ gốc của xe cho anh M. Nhận được giấy ủy quyền, anh M chuyển toàn bộ cho H. Sau đó, H cung cấp thông tin của chiếc xe ô tô trên để T tra cứu thông tin phạt nguội của xe ô tô BKS: 99A - 248.42 trên mạng Internet thì phát hiện xe có 03 lỗi phạt nguội chưa được xử phạt gồm:

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 5km/h đến dưới 10km/h tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 17/11/2023. Đơn vị chịu trách nhiệm xử lý: Phòng CSGT Công an tỉnh V

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h tại Km184+500 tại Cao tốc N - Lào Cai vào ngày 23/10/2023. Đơn vị chịu trách nhiệm xử lý: Đội Cảnh sát giao thông đường bộ cao tốc số A2 thuộc Phòng Hướng dẫn tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt Cục C5 - Bộ C3 (sau đây gọi là Đội 1).

- Lỗi vi phạm tại phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (không thể hiện hành vi vi phạm cụ thể) vào ngày 04/05/2021. Đơn vị chịu trách nhiệm xử lý: Phòng CSGT Công an tỉnh N.

Sau khi lấy được thông tin các lỗi vi phạm của xe ô tô BKS: 99A - 248.42, T tự xác định các lỗi vi phạm đều đã quá 01 năm, theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính thì đã hết thời hiệu xử phạt nên T đã bàn bạc, thống nhất với H cùng nhau đến Phòng CSGT Công an tỉnh V, Đội 1 và Phòng CSGT Công an tỉnh N để xử lý các lỗi phạt nguội. Hưởng sẽ nhận là người vi phạm để thực hiện việc xử lý phạt nguội theo hướng dẫn của cán bộ CSGT, trong trường hợp vẫn bị lập biên bản thì sau khi lấy được Quyết định XPHC và nộp phạt thì sẽ tiến hành khiếu nại để yêu cầu bồi thường, hủy Quyết định XPHC đối với H. Ngày 02/4/2025, T và H đến Phòng C Công an tỉnh V để giải quyết, xử lý phạt nguội của xe ô tô BKS: 99A - 248.42. Tại đây, H trực tiếp làm việc chị Nguyễn Lệ H1, là cán bộ Đội Tuyên truyền điều tra giải quyết tai nạn và xử lý vi phạm hành chính và tự nhận bản thân là người điều khiển xe tại thời điểm vi phạm, còn T thì bí mật dùng điện thoại để quay lại toàn bộ diễn biến buổi làm việc. Quá trình làm việc với Phòng CSGT Công an tỉnh V thì H, T đều không thắc mắc, khiếu nại gì về thời hiệu xử phạt, mục đích để lấy được Quyết định xử phạt VPHC để làm căn cứ khiếu nại. Sau khi H xuất trình được đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì chị H1 đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và trình anh Nguyễn Văn T3 – Đội trưởng ký Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H về lỗi “Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05km/h đến 10km/h” với mức tiền phạt là 900.000

đồng. Hướng nhận Quyết định xử phạt rồi thực hiện việc nộp phạt theo quy định, lấy biên lai rồi cùng với T ra về. Ngay sau khi lấy được Quyết định xử phạt VPHC thì T, H đã đến Văn phòng C6 ở thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang ký hợp đồng ủy quyền để thực hiện việc khiếu nại. Nội dung hợp đồng: Hướng ủy quyền cho T toàn quyền đại diện và thay mặt cho H thực hiện việc khiếu nại các Quyết định xử phạt VPHC của Phòng C Công an tỉnh V; giá trị hợp đồng là 100.000.000 đồng, mục đích để T được thay Hướng thực hiện việc khiếu nại và khi lực lượng CSGT đề nghị rút đơn thì các đối tượng sẽ yêu cầu bồi thường chi phí hủy hợp đồng là 100.000.000 đồng. Sau đó, T đã tự soạn thảo đơn khiếu nại theo mẫu mà T đã chuẩn bị sẵn với nội dung: Khiếu nại việc các Quyết định xử phạt VPHC của Phòng CSGT Công an tỉnh V là sai vì đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Đồng thời, T đã đăng các hình ảnh mà T bí mật quay lại quá trình H làm việc với chị H1 để xử lý lỗi phạt nguội lên trang facebook “Tuấn La FB” cùng đơn khiếu nại để gây áp lực. Sau khi T và H gửi đơn khiếu nại và đăng bài lên mạng xã hội facebook do sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của mình và đơn vị nên anh Nguyễn Văn T3 đã gọi điện cho T để thỏa thuận việc rút đơn khiếu nại thì T nói bản thân chỉ là người được ủy quyền còn việc người khiếu nại là H nên đã gửi số điện thoại của H cho anh T3 để liên hệ thỏa thuận việc rút đơn. Ngay sau khi cho anh T3 số điện thoại của H thì T gọi điện cho H nói nếu anh T3 gọi điện xin rút đơn thì yêu cầu anh T3 phải chuyển 100.000.000 đồng cho H để bồi thường Hợp đồng ủy quyền. Khi anh T3 gọi điện thì H yêu cầu anh T3 phải chuyển 100.000.000 đồng mới đồng ý rút đơn. Sau đó, anh T3 xin giảm tiền bồi thường thì H đồng ý giảm 20% số tiền thù lao ghi trong hợp đồng và yêu cầu anh T3 phải chuyển cho H 80.000.000 đồng. Buổi chiều ngày 02/5/2025, anh T3 cùng với anh Phạm Trung H4, sinh năm 1987 trú tại xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (bạn anh T3) mang số tiền 80.000.000 đồng đến huyện H, tỉnh Bắc Giang để gặp T và H. Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh T3 gọi điện cho H thông báo đã đến thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh) thì T đi xe ô tô nhãn hiệu KIA Soluto màu trắng, BKS: 98A - 693.25 của T và H đi xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Fortuner màu đen, BKS: 30M - 006.20 của H dẫn anh T3 và anh H4 vào nhà của H ở thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) để giao nhận tiền. Tại nhà H, T đọc cho anh T3 viết biên bản giao nhận số tiền 80.000.000 đồng này cho H để hỗ trợ Hướng trả thù lao hợp đồng ủy quyền thực hiện việc khiếu nại. Sau khi viết xong biên bản thì anh T3 giao lại biên bản cho T giữ rồi ra xe ô tô lấy số tiền 80.000.000 đồng giao cho H. Khi anh T3 vừa giao tiền xong cho H chuẩn bị ra về thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) phối hợp với Công an xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) vào kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang T và H về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” đồng thời thu giữ số tiền 80.000.000 đồng và các vật chứng liên quan.

2. Hành vi cưỡng đoạt số tiền 130.000.000 đồng của chị Nguyễn Phương T4:

Buổi chiều ngày 02/4/2025, sau khi làm thủ tục phạt nguội tại **Phòng CSGT Công an tỉnh V** thì **T**, **H** tiếp tục đi đến trụ sở Đội 1 Phòng Hướng dẫn tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt để xử lý lỗi phạt nguội tốc độ của xe ô tô BKS: 99A - 248.42 tại **đường C - Lào Cai** vào ngày 23/10/2023. Trước khi vào làm việc thì **T** đã giao cho **H** chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung S22 của **T** để **H** sử dụng bí mật ghi hình lại toàn bộ buổi làm việc, còn **T** đứng đợi bên ngoài. Tại bộ phận xử lý phạt nguội thì **H** gặp chị **Nguyễn Phương T4** là cán bộ Đội 1 để nộp các giấy tờ liên quan đến xe ô tô BKS: 99A - 248.42 và tự nhận bản thân là người điều khiển xe tại thời điểm bị ghi nhận lỗi phạt nguội. Sau khi kiểm tra giấy tờ thấy đủ điều kiện xử lý nên chị **T4** hướng dẫn **H** sang bộ phận trực ban gặp anh **Nguyễn Minh H5** để lập biên bản vi phạm hành chính. Tại đây, anh **H5** đã thông báo lỗi vi phạm, mức xử phạt cho **H** biết. Hướng công nhận lỗi và không có khiếu nại thắc mắc gì nên anh **H5** đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với **H** về hành vi điều khiển xe ô tô chạy quá tốc độ quy định (103km/80km) xảy ra vào ngày 23/10/2023 tại Km 184 + 500 **đường C - Lào Cai** thuộc địa phận tỉnh Yên Bái. Trong biên bản ghi rõ yêu cầu Hướng ngày 16/4/2025 đến **Đội CSGT đường bộ cao tốc số A2** để giải quyết vụ việc, **H** ký biên bản rồi cùng với **T** ra về. Ngày 15/4/2025, chưa đến ngày hẹn làm việc trong biên bản vi phạm hành chính nhưng **H**, **T** đã cùng nhau đi đến trụ sở Đội 1 gặp chị **T4** xin Quyết định xử phạt để thực hiện việc nộp phạt; trước khi vào làm việc thì **T** tiếp tục đưa điện thoại cho **H** để bí mật quay video. Do chưa đến ngày hẹn ghi trong biên bản vi phạm vì vậy chưa có Quyết định xử phạt để giao cho **H** nên chị **T4** đã giải thích rõ mức phạt cho **H** biết mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm là 7.000.000 đồng, hình phạt bổ sung là tước giấy phép lái xe trong thời hạn 03 tháng và hẹn Hướng ngày 16/4/2025 đến nhận Quyết định xử phạt. Tuy nhiên, **H** đã cố ý trình bày lý do nhà xa, không biết thao tác nộp phạt trên cổng dịch vụ công để nhờ chị **T4** giúp **H** nộp phạt. Do thấy Hướng nhà xa và không có khiếu nại gì về lỗi vi phạm nên chị **T4** đã đồng ý nhận số tiền 7.000.000 đồng của **H** để nộp phạt giúp đỡ giúp, đồng thời hẹn **H** là ngày 16/4/2025 sẽ nộp phạt cho **H** và gửi quyết định kèm theo biên lai nộp phạt qua điện thoại cho **H**, **H** đồng ý. Tuy nhiên ngày 16/4/2025, **H** đã đến gặp chị **T4** đề nghị được nhận lại quyết định xử phạt, biên lai nộp phạt nên **T4** đã đưa quyết định xử phạt, biên lai nộp phạt cho **H** và **H** đã ký nhận vào quyết định xử phạt, không có ý kiến thắc mắc gì rồi ra về. Ngày 17/4/2025, sau khi lấy được Quyết định xử phạt, biên lai thu tiền phạt thì **T**, **H** đã đến **Văn phòng C6** ký hợp đồng ủy quyền để thực hiện việc khiếu nại. Nội dung hợp đồng: Hướng ủy quyền cho **T** toàn quyền đại diện và thay mặt cho **H** thực hiện việc khiếu nại Quyết định xử phạt VPHC của Phòng Hướng dẫn tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt; giá trị hợp đồng là 100.000.000 đồng. Sau đó, **T** đã tự soạn thảo đơn khiếu nại theo mẫu mà **T** đã chuẩn bị sẵn với nội dung: Khiếu nại việc Quyết định xử phạt VPHC của Phòng Hướng dẫn tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt là sai vì đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và khiếu nại việc chị **T4** nhận tiền nộp phạt của **H** sai quy định. Sau khi **T** gửi đơn khiếu nại, do sợ bị kỷ luật và

ảnh hưởng đến đơn vị nên chị **T4** đã chủ động gọi điện cho **H** để xin thỏa thuận việc rút đơn nhưng **H** yêu cầu gặp gỡ để nói chuyện trực tiếp. Do bản thân là phụ nữ nên chị **T4** đã kể lại sự việc và nhờ anh **Đinh Văn S1** - Phó Đội trưởng **Đội CSGT đường bộ cao tốc số A2** liên hệ với **T**, **H** để xin rút đơn khiếu nại. Sau đó, anh **S1** gọi điện cho **T** đề nghị rút đơn khiếu nại thì **T** yêu cầu cán bộ CSGT của **Đội 1** phải bồi thường chi phí hủy hợp đồng ủy quyền, trả lại tiền nộp phạt và được gỡ trạng thái tước giấy phép lái xe của **H** thì mới đồng ý rút đơn khiếu nại. Do sợ bị kỷ luật nên chị **T4** đồng ý bồi thường cho **H** tiền hủy hợp đồng xử phạt, tiền nộp phạt, tuy nhiên việc gỡ trạng thái tước giấy phép lái xe không thực hiện được do đã thực hiện trên cổng dịch vụ công. Lúc này, **T** gửi số điện thoại của **H** và yêu cầu anh **S1** trực tiếp liên hệ với **H** để thỏa thuận việc bị tước giấy phép lái xe. Sau đó, **T** thông báo cho **H** biết việc anh **S1** sẽ gọi điện để thỏa thuận việc bồi thường và hướng dẫn **H** cách thức trao đổi, thỏa thuận với anh **S1**; đồng thời bảo **H** ghi âm hoặc quay lại màn hình của cuộc gọi. Ngày 27/4/2025, anh **S1** gọi điện thoại cho **H** đề nghị rút đơn khiếu nại thì **H** yêu cầu phải chuyển cho **H** số tiền 130.000.000 đồng, trong đó: 100.000.000 đồng là tiền bồi thường hợp đồng cho **T**; 7.000.000 đồng là tiền hoàn lại đã nộp phạt và 23.000.000 đồng chi phí thuê người lái xe trong thời gian 03 tháng bị tước bằng lái. Sau khi trao đổi với **H** thì anh **S1** thông báo lại cho chị **T4** biết việc **H** yêu cầu bồi thường 130.000.000 đồng mới đồng ý rút đơn. Lo sợ bị kỷ luật nên chị **T4** đồng ý đưa cho anh **S1** 130.000.000 đồng để giao cho **H**. Ngày 02/5/2025, anh **S1** liên hệ với **H** để giao tiền bồi thường thì **H** yêu cầu anh **S1** đến huyện **H**, **Bắc Giang** giao tiền bồi thường cho **H**. Buổi chiều cùng ngày, anh **S1** cùng với anh **Vũ Đức T6** (cán bộ **Đội 1**) mang số tiền 130.000.000 đồng đến huyện **H**, tỉnh **Bắc Giang** để gặp **H**. Tuy nhiên, khi anh **S1** đang ở thị trấn **T**, huyện **H**, tỉnh **Bắc Giang** (nay là xã **H**, tỉnh **Bắc Ninh**) để đợi giao tiền bồi thường cho **H** thì cùng lúc này **H**, **T** bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh **V** bắt quả tang về hành vi Cường đoạt tài sản; cho nên anh **S1** chưa kịp giao tiền cho **H** và **T**.

3. Hành vi cưỡng đoạt số tiền 80.000.000 đồng của Nguyễn Mạnh C và Trần Duy A:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/3/2024, **La Văn T** điều khiển xe ô tô nhãn hiệu **Kia Soluto** màu trắng BKS: 98A - 693.25 đi trên quốc lộ **B** theo hướng Hà Nội - Phú Thọ. Khi đi đến đầu đường **H** thuộc phường **P**, thành phố **P**, tỉnh **Vĩnh Phúc** (nay là phường **P**, tỉnh **Phú Thọ**), anh **Nguyễn Mạnh C** - Cán bộ của tổ CSGT thuộc **Đội Cảnh sát giao thông**, trật tự Công an thành phố **P** làm nhiệm vụ tuần tra, xử lý vi phạm giao thông tại km 13 + 600, Quốc lộ **B** ra hiệu lệnh dừng xe **T** để kiểm tra. Lúc này, **T** chủ động sử dụng điện thoại bí mật ghi hình lại toàn bộ nội dung diễn biến quá trình làm việc với cán bộ CSGT, mục đích sử dụng hình ảnh quay được để khiếu nại lực lượng CSGT và yêu cầu bồi thường. Sau khi **T** dừng xe và xuống làm việc thì anh **C** đã thông báo lỗi vi phạm của **T** là “đi không đúng làn đường” và yêu cầu **T** xuất trình giấy tờ xe, giấy phép lái xe để kiểm tra. Sau khi **T** xuất trình được giấy phép lái xe, giấy tờ xe anh **C** đã chuyển toàn bộ

giấy tờ cho anh **Trần Duy A** (tổ trưởng tổ CSGT), đồng thời mời **T** vào bàn làm việc với anh **Duy A**. Mặc dù **T** cho rằng mình không đi sai làn đường, tuy nhiên khi làm việc với anh **Duy A** và được thông báo lỗi vi phạm thì **T** không có ý kiến gì cố ý trao đổi với anh **Duy A** xin được nộp phạt nhanh và không lập biên bản. Sau đó, **T** lấy lý do không mang đủ tiền nộp phạt rồi đi ra ngoài để đi rút tiền, mục đích ghi hình lại toàn bộ việc **T** phải rút tiền để nộp phạt nhanh. Sau khi **T** đi, anh **Duy A** đã kiểm tra lại lỗi vi phạm đi sai làn đường của **T** thấy thiết bị ghi hình không ghi lại được hình ảnh lỗi vi phạm của **T**. Khoảng 15 phút sau **T** quay lại làm việc với anh **Duy A** xin nộp phạt nhanh nhưng anh **Duy A** không đồng ý mà chỉ nhắc nhở **T** chấp hành các quy định pháp luật khi điều khiển xe rồi trả lại giấy tờ xe, giấy phép lái xe để **T** tiếp tục di chuyển. Sau đó, **T** đã soạn thảo đơn tố cáo và cắt một số hình ảnh trong đoạn video mà **T** đã bí mật quay lại chèn vào đơn tố cáo rồi gửi đến Trưởng **Công an thành phố P**, Giám đốc **Công an tỉnh V** và Cục trưởng Cục CSGT **Bộ C3** để tố cáo anh **Nguyễn Mạnh C** và tổ CSGT **Công an thành phố P** có hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn, bỏ lọt vi phạm, báo lỗi không, những nhiễu, có dấu hiệu mồi chài, tiêu cực trong quá trình tuần tra kiểm soát. Đồng thời **T** đăng tải một phần đoạn video mà **T** đã bí mật quay được và đơn tố cáo lên trang Blog cá nhân “Tuấn La FB” và tài khoản YouTube “TUẤN LA CẢNH SÁT GIAO THÔNG” của **T** nhằm mục đích đe dọa, gây áp lực đối với anh **C** và tổ CSGT **Công an thành phố P**. Do sợ bị ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của bản thân cũng như uy tín, danh dự của đơn vị nên anh **C** đã trao đổi với anh **Duy A** để liên hệ với **T** thỏa thuận việc rút đơn tố cáo. Sau đó, anh **C** liên hệ với **T** thì **T** yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và hẹn anh **C** đến nhà **T** ở xã **X, huyện H, tỉnh Bắc Giang** để trao đổi cụ thể. Ngày 08/3/2024, anh **C** và anh **Duy A** đã đến nhà **T** trực tiếp gặp **T** để thỏa thuận việc rút đơn tố cáo. Tại đây, **T** yêu cầu phải bồi thường số tiền 80.000.000 đồng thì mới đồng ý rút đơn, anh **Duy A** và **C** đồng ý rồi góp chung số tiền 80.000.000 đồng giao cho **T**. Sau khi nhận tiền thì **T** đã yêu cầu anh **C** viết 01 giấy giao nhận với nội dung giao cho **T** số tiền 80.000.000 đồng để khắc phục sai phạm của **tổ CSGT Công an thành phố P** và hỗ trợ **T** thuê luật sư rồi giao cho **T** giữ. Ngày 10/3/2024, **T** đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung tố cáo.

4. Kết quả giám định:

Tại bản kết luận giám định số 1273 ngày 30/05/2025 của **Phòng K Công an tỉnh V** giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A6 của anh **Đinh Văn S1**, kết luận: Trích xuất được dữ liệu từ đối tượng giám định. Qua phân tích, kiểm tra dữ liệu theo yêu cầu giám định, kết quả thu được: 17 cuộc gọi, 06 tin nhắn SMS với 02 số điện thoại “0981974666” và “0978209823”. 15 tệp âm thanh có tổng kích thước 65.3MB (68.491.182 bytes) trong mục “File của bạn” Toàn bộ dữ liệu nêu trên được thể hiện trong Phụ lục giám định và được sao lưu vào đĩa DVD.

- Tại bản kết luận giám định số 1350 ngày 05/06/2025 của **Phòng K Công an tỉnh V** giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung

Galaxy A7 của anh **Nguyễn Văn T3**, kết luận: Trích xuất được 11 file âm thanh có tổng dung lượng 19,9MB theo yêu cầu giám định. Toàn bộ dữ liệu được sao lưu vào đĩa DVD.

- Tại bản kết luận giám định số 1364 ngày 06/06/2025 của **Phòng K Công an tỉnh V** giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại Samsung S22 của **La Văn T**, kết luận: Trích xuất được 32 file video có tổng dung lượng 18,2GB của ngày 02/4/2025, 14/4/2025, 16/4/2025 và 02/5/2025 trong “Bộ sưu tập”. Chi tiết được thể hiện trong USB kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu hình ảnh các ngày 02/4/2025, 14/4/2025, 16/4/2025 và 02/5/2025 trong mục “Bộ sưu tập” có trên mẫu giám định.

- Tại bản kết luận giám định số 1547/KL-KTHS ngày 28/06/2025 của **Phòng K Công an tỉnh V** giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại Samsung Note 10 của **La Văn T**, kết luận: Tìm thấy lịch sử cuộc gọi và tin nhắn SMS giữa đối tượng giám định (không xác định được số điện thoại “0978209823”) với các số điện thoại “0981974666”, “0852685009”; cụ thể: 194 cuộc gọi với số điện thoại “0981974666”, 08 cuộc gọi với số điện thoại “0852685009”; 15 tin nhắn SMS với số điện thoại “0981974666” và 02 tin nhắn SMS với số điện thoại “0852685009”. Không tìm thấy dữ liệu ứng dụng Zalo theo yêu cầu giám định.

- Tại bản kết luận giám định số 1490/KL-KTHS ngày 24/06/2025 của **Phòng K Công an tỉnh V** giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại Iphone của **Nguyễn Văn H**, kết luận: Tìm thấy lịch sử cuộc gọi và tin nhắn SMS giữa điện thoại di động cần giám định (không xác định được số điện thoại “0981974666”) với các số điện thoại theo yêu cầu, cụ thể: 05 cuộc gọi với số điện thoại “0978209823”, 10 cuộc gọi với số điện thoại “0915166269”, 10 cuộc gọi và 04 tin nhắn với số điện thoại “0852685009”. Tìm thấy 820 tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên “Romario” đang đăng nhập trên ứng dụng với tài khoản **Z** có tên hiển thị “**Văn T**”, không trích xuất được các tệp âm thanh, video gửi qua tin nhắn.

- Tại kết luận giám định số 8983 ngày 31/12/2025 của **V2 Bộ C3** giám định âm thanh kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm (anh **Đinh Vạn S1** giao nộp) mẫu cần giám định. Tiếng nói của người đàn ông xưng “em” trong các file ghi âm mẫu cần giám định (ký hiệu: Tuấn trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của **La Văn T** trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông xưng “anh” trong các file ghi âm mẫu cần giám định (Ký hiệu: **S1** trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của **Đinh Vạn S1** trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông xưng “em” trong các file ghi âm mẫu cần giám định (ký hiệu: Hương trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của **Nguyễn Văn H** trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tại kết luận giám định số 8984 ngày 31/12/2025 của **V2 Bộ C3** giám định âm thanh kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các

file ghi âm (anh Nguyễn Văn T3 giao nộp) mẫu cần giám định. Tiếng nói của người đàn ông xưng “em” trong các file ghi âm mẫu cần giám định (ký hiệu: Tuấn trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của La Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông xưng “anh” trong các file ghi âm mẫu cần giám định (Ký hiệu: Thuyết trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Văn T3 trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông xưng “em” trong các file ghi âm mẫu cần giám định (ký hiệu: Hưởng trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Văn H trong mẫu so sánh là của cùng một người. Không có tiếng nói của Nguyễn Văn T3, La Văn T và Nguyễn Văn H trong file ghi âm mẫu cần giám định ký hiệu A11.

- Tại Kết luận giám định số 120 ngày 05/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: Trích xuất được 11 tệp video định dạng “*.dav”, tổng kích thước 102MB (107.849.658 bytes) có thời gian hiển thị trên video từ 15 giờ 30 phút đến 22 giờ 10 phút ngày 02/5/2025. Sao lưu được các tệp video này vào 01 đĩa DVD. Trích xuất được 08 ảnh từ 11 tệp video nêu trên.

- Tại bản kết luận giám định số 3456 ngày 22/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh V đối với chiếc điện thoại S3, kết luận: Khôi phục trích xuất được dữ liệu từ đối tượng gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định, kết quả thu được: 100 GB (108,433,890,889 bytes) dữ liệu ảnh, video lưu trong thư mục “Bộ sưu tập” của điện thoại. 2008 cuộc gọi, 2142 tin nhắn SMS, 156.315 tin nhắn ứng dụng Zalo, 1.278 tin nhắn ứng dụng Messenger, 128 tin nhắn ứng dụng telegram, 2.026 tin nhắn ứng dụng Viber và 290 tin nhắn ứng dụng Whatsapp. 01 tệp video tên “1709537749721.mp4”, kích thước 2.18 GB (2.349.189.943 bytes), thời lượng 25 phút 48 giây, có thời gian khởi tạo lập ngày 04/3/2024 trong thư mục “Bộ sưu tập”. Trích xuất được 14 ảnh người xuất hiện trên tệp video trên.

- Tại bản kết luận giám định số 1371 ngày 08/06/2025 của Phòng K Công an tỉnh V tiến hành giám định tài liệu đối với hợp đồng ủy quyền ngày 02/4/2025 giữa La Văn T và Nguyễn Văn H, kết luận: Chữ ký thứ ba tính từ trái sang phải cuối trang đánh số 1, 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục "Bên A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký thứ nhất tính từ trái sang phải cuối trang đánh số 1, 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục "Bên B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của La Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người ký, viết ra.

- Tại bản kết luận giám định số 1321/KL-KTHS ngày 01/06/2025 của Phòng K Công an tỉnh V tiến hành giám định tài liệu đối với hợp đồng ủy quyền ngày 17/4/2025 giữa La Văn T và Nguyễn Văn H, kết luận: Chữ ký thứ ba tính từ trái sang phải cuối trang đánh số 1, 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục "BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra. Chữ

ký thứ nhất tính từ trái sang phải cuối trang đánh số 1, 2 và chữ ký, chữ viết dưới mục "BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (BÊN B)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của **La Văn T** trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người ký, viết ra.

- Tại bản KLGĐ số 3442 ngày 21/11/2025 của **Phòng K Công an tỉnh P** kết luận: Chữ ký, chữ viết trong giấy giao nhận so với chữ viết của **Nguyễn Mạnh C** là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản Cáo trạng số: 120/CT-VKS-P1 ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo **La Văn T** và **Nguyễn Văn H** về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **La Văn T** từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo **La Văn T** từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo **La Văn T** đồng ý với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn H** đồng ý với tội danh và điều luật mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến yếu tố lỗi của các bị hại khi thực hiện nhiệm vụ công vụ để áp dụng tình tiết người bị hại cũng có lỗi; đồng thời xem xét đến thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cũng như hoàn cảnh của bị cáo có anh trai là liệt sỹ, bị cáo hiện đang trực tiếp thờ cúng; bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu để áp dụng điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo **H** được hưởng mức án dưới khung hình phạt. Bị cáo **Nguyễn Văn H** đồng ý với quan điểm của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật, có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian làm nghề lái xe taxi, **La Văn T** đã tự tìm hiểu các quy định của pháp luật liên quan đến Luật giao thông đường bộ, Luật xử lý vi phạm hành chính và quy trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát và xử lý phạt nguội của lực lượng Cảnh sát giao thông nên thấy lực lượng này dễ có những sai phạm trong quá trình tuần tra, kiểm soát và xử lý phạt nguội. Sau khi thu thập được các thông tin, tài liệu có dấu hiệu sai phạm của lực lượng CSGT thì **T** sẽ gửi đơn khiếu nại đến đơn vị công tác của các cán bộ CSGT có sai phạm và các cơ quan cấp trên; đồng thời đăng tải các video, hình ảnh và đơn khiếu nại lên mạng xã hội nhằm mục đích thu hút lượt xem, tạo dư luận xấu để gây áp lực đối với người bị khiếu nại. Khi các cán bộ CSGT trong các tổ công tác bị khiếu nại liên hệ để giải quyết, đề nghị rút đơn khiếu nại thì **T** sẽ yêu cầu phải trả cho **T** một khoản tiền. Với phương thức thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2025 đến 02/5/2025, sau khi biết **Nguyễn Văn H** được anh **Vương Danh M** thuê xử lý các lỗi phạt nguội của xe ô tô BKS: 99A - 248.42, **La Văn T** đã cùng **H** tra cứu các lỗi phạt nguội của xe, nhận thấy các lỗi vi phạm đều đã quá 01 năm nên **T** cho rằng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Từ đó **T** và **H** thống nhất cùng đi xử lý các lỗi phạt nguội của xe ô tô để lấy Quyết định xử phạt rồi thực hiện việc khiếu nại để buộc người bị khiếu nại phải đưa cho **T** và **H** một khoản tiền. Thực hiện ý định trên, **H** đã đến gặp và làm việc với chị **Nguyễn Lệ H1** là cán bộ CSGT của Phòng CSGT Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) và chị **Nguyễn Phương T4** là cán bộ Đội 1 Phòng Hướng dẫn tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt Cục CSGT **Bộ C3**, tự nhận là người điều khiển xe ô tô BKS: 99A - 248.42 vi phạm để làm thủ tục xử lý các lỗi vi phạm và lấy được Quyết định xử phạt. Sau khi nhận được Quyết định xử phạt, để hợp thức việc khiếu nại và yêu cầu người bị khiếu nại phải trả một khoản tiền nhất định thì **H** và **T** đã chủ động ký với nhau 02 hợp đồng ủy quyền với số tiền thu lao là 100.000.000đ/hợp đồng (trên thực tế cả **T** và **H** không phải thanh toán cho nhau bất cứ khoản tiền nào). Lấy lý do đã ký hợp đồng ủy quyền, nếu rút khiếu nại sẽ phải bồi thường khoản tiền tương đương với giá trị hợp đồng nên sau khi thống nhất với **T**, **H** đã trao đổi với những người đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với **H** và yêu cầu mức bồi thường để rút đơn. Do lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của bản thân và các thành viên trong tổ nên anh **Nguyễn Văn T3**, **Đinh Vạn S1** và chị **Nguyễn Phương**

T4 là những người có liên quan đến việc khiếu nại đã liên hệ xin T, H rút đơn khiếu nại thì T, H đã yêu cầu phải đưa số tiền 210.000.000 đồng, trong đó yêu cầu anh Nguyễn Văn T3 là 80.000.000 đồng, chị Nguyễn Phương T4 là 130.000.000 đồng mới đồng ý rút đơn khiếu nại.

Ngày 02/5/2025, dưới sự hướng dẫn của T và H, anh Nguyễn Văn T3, đã cầm 80.000.000 đồng đến nhà H tại xã L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh), giao tiền tại đây; cùng ngày, chị T4 đã đưa cho anh Đinh Văn S1 số tiền 130.000.000 đồng để đến Bắc Ninh gặp và nộp cho T, H. Khi anh S1 chưa kịp giao tiền cho H, T thì hai đối tượng trên đã bị Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) phát hiện bắt quả tang đang nhận tiền cưỡng đoạt của anh T3 tại nhà của H.

Ngoài ra, ngày 04/3/2024, khi bị tổ CSGT Công an thành phố P dừng xe kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm, La Văn T đã chủ động đặt vấn đề với anh Trần Duy A cán bộ tổ CSGT xin được nộp phạt nhanh, đồng thời sử dụng điện thoại để bí mật quay lại diễn biến quá trình làm việc, mục đích sử dụng những hình ảnh này khiếu nại tổ CSGT để chiếm đoạt tài sản. Sau khi ghi lại được các hình ảnh T cắt một số hình ảnh trong đoạn video, soạn thảo đơn tố cáo anh Nguyễn Mạnh C và tổ CSGT rồi gửi đến Trưởng Công an thành phố P, Giám đốc Công an tỉnh V và Cục trưởng Cục C5; đồng thời đăng tải các hình ảnh lên mạng xã hội để uy hiếp tinh thần của những người bị khiếu nại. Lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của bản thân và các thành viên trong tổ CSGT nên anh C liên hệ thì T yêu cầu phải đưa cho T 80.000.000 đồng thì mới rút đơn khiếu nại. Anh C đồng ý và nói lại với anh Duy A về sự việc trên. Sau đó anh C và anh Duy A đã góp mỗi người 40.000.000 đồng để đưa cho T. Ngày 08/3/2024 anh C, anh Duy A đã đến nhà gặp T bồi thường 80.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền thì T đã rút đơn khiếu nại với anh C và tổ CSGT của Công an thành phố P.

Lợi dụng tâm lý lo sợ bị ảnh hưởng uy tín, danh dự và thành tích của đơn vị, cá nhân khi bị khiếu nại, tố cáo trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các cán bộ công an giao thông thuộc Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh V (cũ), Đội CSGT đường bộ cao tốc số 1 Cục Cảnh sát giao thông, La Văn T và Nguyễn Văn H đã thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, đưa thông tin lên mạng xã hội, gây sức ép uy hiếp tinh thần đối với các cán bộ công an giao thông buộc họ phải giao tài sản cho La Văn T và Nguyễn Văn H nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo La Văn T, Nguyễn Văn H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3]. Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và uy tín của cơ quan tiến hành tố

tung, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, do vậy cần xử lý nghiêm minh để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò, nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi của mình là phạm pháp song do tham lam tư lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Khi xem xét lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này, **La Văn T** là người khởi xướng, đề ra phương thức, thủ đoạn lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo và sử dụng mạng xã hội để gây sức ép về tinh thần đối với các bị hại; đồng thời trực tiếp soạn thảo đơn, đưa ra yêu cầu về số tiền và chỉ đạo việc giao nhận tiền nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Do vậy **T** phải chịu trách nhiệm chính, nghiêm khắc nhất. Còn **Nguyễn Văn H**, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, đã cùng **T** bàn bạc, thống nhất ý chí thực hiện tội phạm; trực tiếp đứng tên nhận ủy quyền, làm việc với cơ quan chức năng, tham gia trao đổi việc rút đơn khiếu nại, yêu cầu bị hại giao tiền nên **H** là người thực hành tích cực, cũng phải chịu trách nhiệm hình sự nghiêm khắc. Việc người bào chữa cho rằng **H** giữ vai trò đồng phạm thứ yếu là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo **T** 3 lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản với tổng số tiền 290.000.000 đồng, còn bị cáo **H** 2 lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản với tổng số tiền 210.000.000 đồng. Do vậy các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trước khi phạm tội các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **H** có anh trai là liệt sỹ và hiện đang trực tiếp thờ cúng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy bị cáo **H** bị áp dụng một tình tiết tăng nặng và được hưởng một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự như đề nghị của người bào chữa. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo nhưng vẫn cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Đối với hành vi **T** tố cáo đã phải đưa 2.000.000 đồng cho 01 cán bộ trong tổ CSGT của **Công an thành phố P** vào ngày 04/3/2024 để được bỏ qua lỗi vi phạm. Quá trình điều tra, anh **Nguyễn Mạnh C**, anh **Trần Duy A** và các cán bộ trong tổ CSGT của **Công an thành phố P** khai hoàn toàn không có việc nhận tiền của **T** để bỏ qua lỗi vi phạm; đoạn video thu giữ trong điện thoại của **T** chỉ thể hiện việc bị cáo chủ động xin nộp phạt nhanh rồi sau đó đi rút tiền, không có căn cứ xác định có việc **T** đưa tiền cho cán bộ CSGT. Do vậy, không có căn cứ để xử

lý đối với anh **Trần Duy A**, anh **Nguyễn Mạnh C** và các cán bộ trong tổ CSGT của **Công an thành phố P** về tội “Nhận hối lộ” quy định tại Điều 354 Bộ luật Hình sự và **La Văn T** về tội “Đưa hối lộ” quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, còn có anh **Nguyễn Ngọc V**, **Vương Danh M** là chủ xe ô tô BKS: 99A - 248.42 và đã thuê **Hường** xử lý các lỗi phạt nguội của xe, quá trình điều tra xác định: Việc **Nguyễn Văn H**, **La Văn T** lợi dụng việc xử lý lỗi phạt nguội của xe BKS: 99A - 248.42 để thực hiện hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” thì anh **V**, anh **M** không biết và không được hưởng lợi gì từ việc này. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với anh **V**, anh **M** là có căn cứ.

Quá trình khám xét xe ô tô của **La Văn T**, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 tờ giấy viết tay với nội dung: Ngày 19/8/2022, **Ngô Văn Q** chuyển cho **T** số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả liên quan đến vi phạm của bà **Lý Trung T7**. Cơ quan điều tra đã làm việc với 04 cán bộ trong tổ CSGT của **Công an huyện T**, tỉnh Phú Thọ liên quan đến đơn khiếu nại của **La Văn T** gồm: **Phùng Mạnh T8** (tổ trưởng), **Hà Văn M1**, **Hà Anh N1**, **Hán Đức T9** (tổ viên) và **Ngô Tiến D** (Phó Trưởng Công an huyện phụ trách Đội CSGT) nhưng cả 04 cán bộ trên đều khẳng định không có việc liên hệ, bồi thường cho **T** để rút đơn và cũng không biết **Ngô Văn Q** là ai. Tại Cơ quan điều tra **La Văn T** thừa nhận việc gửi đơn khiếu nại theo ủy quyền của chị **T7**, đồng thời khẳng định không có việc nhận tiền để rút đơn khiếu nại. Cơ quan điều tra đã xác minh, sao kê tài khoản ngân hàng của **La Văn T** tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng tuy nhiên không phát hiện được giao dịch nhận số tiền 100.000.000 đồng của **Ngô Văn Q**. Do đó chưa có cơ sở xác định **La Văn T** có hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” trong vụ việc này.

Đối với ông **Nguyễn Kim B** là công chứng viên, đồng thời là Trưởng **Văn phòng C4** nên ông **B** hiểu rõ các quy định của pháp luật về quy trình công chứng. Tuy nhiên ngày 20/3/2025, chị **Lê Thị Thu H2** và **Nguyễn Văn H** không có mặt tại **Văn phòng C4** để trực tiếp ký vào giấy ủy quyền dưới sự chứng kiến của ông **B** nhưng do có mối quan hệ quen biết với anh **Nguyễn Văn V1** nên ông **B** vẫn đồng ý thực hiện việc công chứng giấy ủy quyền. Khi thực hiện việc công chứng thì ông **B** hoàn toàn không biết chữ ký của những người trong giấy ủy quyền là do anh **V1** tự ký và cũng không biết việc các đối tượng sử dụng giấy ủy quyền để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của ông **Nguyễn Kim B** đã vi phạm các quy định về trình tự, thủ tục công chứng được quy định của Luật Công chứng nhưng không có dấu hiệu của tội phạm. Tuy nhiên vẫn cần kiến nghị Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ xử lý công chứng viên theo quy định.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, các bị hại anh **Nguyễn Văn T3** và chị **Nguyễn Phương T4** yêu cầu **La Văn T** và **Nguyễn Văn H** trả số tiền bị chiếm đoạt. Ngày 15/01/2025, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh V** (cũ) đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 80.000.000 đồng cho anh **T3** và trả lại số tiền 130.000.000 đồng cho chị **T4**. Anh **T3** và chị **T4** đã nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Riêng đối với số tiền 80.000.000 đồng mà **T** đã chiếm đoạt của anh **Duy A** và anh **C** (mỗi người 40.000.000 đồng), hiện vẫn chưa trả. Anh **C** và anh **Trần Duy A** yêu cầu **La Văn T** trả lại toàn bộ số tiền trên. Xét yêu cầu của anh **C**, Anh **Duy A1** là có căn cứ, cần chấp nhận buộc **La Văn T** trả lại cho anh **C** và anh **Duy A1** số tiền đã chiếm đoạt là 80.000.000 đồng.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 tờ giấy A4 một mặt ghi “Biên bản giao nhận” do anh **T3** viết theo hướng dẫn của **T**; 01 tờ giấy A4 có ghi nội dung tra cứu tình trạng xe vi phạm đối với xe ô tô BKS: 99A-248.42; 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Nguyễn Văn H**; 01 biên bản làm việc về việc xác minh nội dung khiếu nại của **Phòng CSGT Công an tỉnh L**; 01 Quyết định xử phạt VPHC của **Phòng CSGT Công an tỉnh B** ngày 21/3/2025; 01 biên lai thu tiền xử phạt vi phạm hành chính ngày 31/3/2025; 01 tờ giấy A4 có chữ viết tay ghi ngày 28/4/2025 do **La Văn T** giao nộp; nhiều tập tài liệu, các phong bì thư và tài liệu liên quan đến việc gửi đơn khiếu nại cán bộ, chiến sỹ của **Cục C5**, **Công an tỉnh B**, **Công an tỉnh L**, **Công an tỉnh P** (bao gồm **Công an tỉnh P** và **Vĩnh Phúc cũ**), **Công an thành phố H**, **Công an tỉnh Đ**, **Công an thành phố H**, **Công an tỉnh Y** (cũ), **Công an tỉnh T**, **Công an tỉnh T**, **Công an tỉnh T** (cũ), **Công an tỉnh N**. Quá trình điều tra xác định: Đây là những vật chứng của vụ án có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó cần được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fotunner BKS: 30M-006.20; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô BKS: 30M-006.20; 01 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 nhẫn đeo tay kim loại màu vàng; 01 dây chuyền kim loại màu bạc; 03 giấy mua bán xe; 01 đăng ký xe ô tô BKS: 30E-893.81; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 0104609; 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 011217; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29002586; 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số A0425995. Đây là các đồ vật tài sản của **H**, không liên quan đến vụ án. Do đó, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại các đồ vật, tài sản này cho **H** là đúng chủ sở hữu.

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của **Nguyễn Văn H**; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung S22 Ultra, màu đen và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Note 10, màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung mặt lưng màu vàng hồng; 01 máy in nhãn hiệu Canon, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo của **La Văn T** mà **CQĐT** đang tạm giữ. Kết quả điều tra xác định đây là những chiếc điện thoại mà **T** và **H** sử dụng để trao đổi, liên lạc với nhau và với các bị hại khi thực hiện hành vi Cường đoạt tài sản và các thiết bị mà **T** sử dụng để in các tài liệu liên quan đến việc khiếu nại, là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 bút bi màu đen; 01 khóa số 8 bằng kim loại màu bạc; 01 bình xịt màu đen có chữ “VIGA” thu giữ của **Nguyễn Văn H**, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 túi giả da màu nâu có quai đeo; 01 ví giả da màu đen; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy phép lái xe hạng A1, B2; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 căn cước công dân; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 hộ chiếu; 01 thẻ **ngân hàng A3**; 01 USB màu đen; số tiền 12.750.000 đồng; 05 thẻ cứng có chữ nước ngoài tạm giữ của **Nguyễn Văn H**. Quá trình điều tra xác định, đây là các tài sản của **H**, không liên quan đến vụ án. Do đó cần trả lại các đồ vật, tài sản này cho **H** nhưng cần tạm giữ số tiền 12.750.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 53.045.000 đồng tạm giữ của **T**; 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Soluto màu trắng BKS: 98A – 693.25 do **La Văn T** giao nộp. Kết quả điều tra xác định đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của **T** nên cần trả lại **T** nhưng cần phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng kiểm số 0235923; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô 30F-986.21; 01 thẻ sim Viettel; 01 hộ chiếu của **La Văn T**; 01 điện thoại Samsung bị nứt vỡ màn hình; 03 thẻ sim Vinaphone; 08 thẻ nhớ các loại; 01 adapter đọc thẻ nhớ; 05 đầu đọc thẻ (trong đó có 01 đầu đọc còn thẻ nhớ, các đầu đọc thẻ còn lại không có thẻ nhớ); 01 USB; 01 **bộ F** nhãn hiệu Dji; 01 ví giả da màu đen, 02 bảo hiểm y tế, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 02 thẻ visa (thẻ tín dụng) của **ngân hàng V3**, 01 thẻ ATM của **ngân hàng V3**, 01 thẻ **ngân hàng M2 (ngân hàng Q1)**, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 98A – 693.25, 01 đồng hồ nhãn hiệu Citizen tạm giữ của **La Văn T**. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản, đồ vật của **La Văn T**, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho **T**.

- Đối với số tiền 130.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung do anh **Đinh Vạn S1** giao nộp, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản này cho anh **S1** và chị **T4**.

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 do anh **Nguyễn Văn T3** giao nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định. Do đó cần trả lại tài sản này cho anh **T3**.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone do của anh **Nguyễn Văn T5**, SN 1986, trú tại **thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh** giao nộp. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định nên cần trả lại cho anh **T5**.

- Đối với 01 camera an ninh (loại camera Wifi) kèm thẻ nhớ do chị **Nguyễn Thị L1** giao nộp, cần trả lại cho chị **L1**.

- Đối với 01 động cơ xe ô tô đã tháo rời, 01 khung xe ô tô, 04 chiếc lốp xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô BKS: 99A -248.42 do anh **Nguyễn Ngọc V** giao nộp. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài sản trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh **Nguyễn Ngọc V**.

[9]. Về án phí: Các bị cáo **La Văn T**, **Nguyễn Văn H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo **La Văn T** phải chịu thêm án phí dân sự trong án hình sự.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **La Văn T**, **Nguyễn Văn H** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **La Văn T** 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam, 02/5/2025.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam, 02/5/2025.

Căn cứ Điều 166; Điều 280; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của các bị hại, buộc bị cáo phải trả cho anh **Nguyễn Mạnh C**, anh **Trần Duy A** tổng số tiền 80.000.000 đồng (anh **C** 40.000.000 đồng; anh **Duy A** 40.000.000 đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh **C**, anh **Duy A** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tịch thu, bán phát mại, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của **Nguyễn Văn H**; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung S22 Ultra, màu đen và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Note 10, màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung mặt lưng màu vàng hồng; 01 máy in nhãn hiệu Canon; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo của **La Văn T**.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bút bi màu đen; 01 khóa số 8 bằng kim loại màu bạc; 01 bình xịt màu đen có chữ “VIGA” thu giữ của **Nguyễn Văn H**.

- Trả lại cho **Nguyễn Văn H** 01 túi giả da màu nâu có quai đeo; 01 ví giả da màu đen; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy phép lái xe hạng A1, B2; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 căn cước công dân; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 hộ chiếu;

01 thẻ ngân hàng A3; 01 USB màu đen; số tiền 12.750.000 đồng; 05 thẻ cứng có chữ nước ngoài của Nguyễn Văn H nhưng cần tạm giữ số tiền 12.750.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho La Văn T 01 giấy chứng nhận đăng kiểm số 0235923; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe ô tô 30F-986.21; 01 thẻ sim Viettel; 01 hộ chiếu của La Văn T; 01 điện thoại Samsung bị nứt vỡ màn hình; 03 thẻ sim Vinaphone; 08 thẻ nhớ các loại; 01 adapter đọc thẻ nhớ; 05 đầu đọc thẻ (trong đó có 01 đầu đọc còn thẻ nhớ, các đầu đọc thẻ còn lại không có thẻ nhớ); 01 USB; 01 bộ F nhãn hiệu Dji; 01 ví giả da màu đen; 02 bảo hiểm y tế; 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe; 02 thẻ visa (thẻ tín dụng) của ngân hàng V3; 01 thẻ ATM của ngân hàng V3; 01 thẻ ngân hàng M2 (ngân hàng Q1); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 98A – 693.25; 01 đồng hồ nhãn hiệu Citizen; số tiền 53.045.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Soluto màu trắng BKS: 98A – 693.25 nhưng cần phải tiếp tục tạm giữ số tiền 53.045.000 đồng và 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Soluto màu trắng BKS: 98A – 693.25 để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T3 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A7.

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone cho anh Nguyễn Văn T5.

- Trả lại 01 camera an ninh (loại camera Wifi) kèm thẻ nhớ cho chị Nguyễn Thị L1.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng ngày 18/6/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ và Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Bị cáo La Văn T, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo La Văn T phải nộp 4.000.000 đồng án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 2 – CAT Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo; Những người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP; THAHS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang